

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ – ST

Ngày: 13 - 4 - 2026

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Quyền Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 14 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2025/TLST – HNGĐ về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Vũ Minh N**, sinh năm 1982 – có mặt

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai.**

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Thanh N1**, sinh năm 1984 – có mặt

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Ngô Minh N** trình bày:**

Ông **N** và bà **N1** tự nguyện sống chung từ năm 2000 và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, nay là xã L, tỉnh Đồng Nai.** Tuy nhiên, ông **N** bà **N1** đã làm mất chứng nhận đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên

cải nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông **N** xác định không còn tình cảm với bà **N1** nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên **Ngô Vũ Nhật D**, sinh ngày 22/5/2000 và **Ngô Gia H**, sinh ngày 25/4/2007; Khi ly hôn, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông **N** tự nguyện chịu án phí

* *Bị đơn bà **Phạm Thị Thanh N1** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà **N1** thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như ông **N** trình bày. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, bất đồng về quan điểm sống. Ông **N** bỏ nhà đi từ năm 2007 cho tới nay. Nay bà **N1** cũng đồng ý ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Ngô Vũ Nhật D**, sinh ngày 22/5/2000 và **Ngô Gia H**, sinh ngày 25/4/2007; Khi ly hôn, các con đã trưởng thành nên bà **N1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **T**, bà **T1** có đơn xin vắng mặt nên được chấp nhận.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **N** và bà **N1** cùng trình bày có đăng ký kết hôn nhưng không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Tại công văn số 180/UBND-TP ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã **L** có nội dung “Sau khi kiểm tra hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn, tra cứu trên phần mềm hộ tịch điện tử và dữ liệu dân cư từ năm 2002 đến nay không có thông tin ông **N** bà **N1** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L**. Vì vậy không trích lục được giấy chứng nhận kết hôn bản sao cho ông **N**”. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng đối với ông **N** và bà **N1**.

Về con chung: Ông **N** bà **N1** có 02 con chung tên **Ngô Vũ Nhật D**, sinh ngày 22/5/2000 và **Ngô Gia H**, sinh ngày 25/4/2007; Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét

Về án phí: Ông **N** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông **Ngô Vũ Minh N** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 14 yêu cầu giải quyết ly hôn với bà **Phạm Thị Thanh N1** nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà **N1** cư trú tại **ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **N** và bà **N1** tự nguyện sống chung từ năm 2000 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, nay là xã L, tỉnh Đồng Nai**. Tuy nhiên, ông **N** bà **N1** đã làm mất chứng nhận đăng ký kết hôn, tại công văn số 180/UBND-TP ngày 07/8/2025 của **Ủy ban nhân dân xã L** có nội dung “*Sau khi kiểm tra hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn, tra cứu trên phần mềm hộ tịch điện tử và dữ liệu dân cư từ năm 2002 đến nay không có thông tin ông **N** bà **N1** có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Vì vậy không trích lục được giấy chứng nhận kết hôn bản sao cho ông **N***”. Đồng thời, ông nhứt bà **N1** cùng thống nhất đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Do đó quan hệ hôn nhân của ông **N** bà **N1** là không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận vợ chồng giữa ông **N** bà **N1**

Về con chung: Ông **N** và bà **N1** có 02 con chung tên **Ngô Vũ Nhật D**, sinh ngày 22/5/2000 và **Ngô Gia H**, sinh ngày 25/4/2007; Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **N** và bà **N1** thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông **N** phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Ngô Vũ Minh N** và bà **Phạm Thị Thanh N1**.
2. Về con chung: Ông **N** và bà **N1** có 02 con chung tên **Ngô Vũ Nhật D**, sinh ngày 22/5/2000 và **Ngô Gia H**, sinh ngày 25/4/2007; Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **N** và bà **N1** thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Ông **N** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai, theo biên lai thu tiền số 0006535 ngày 04 tháng 11 năm 2025.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKS Khu vực 14
- Các đương sự.
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 14
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Lệ Thy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

